

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 10-12-2021

V/v tranh chấp hôn nhân, gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Huy Tường

Ông Nguyễn Quang Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số; 129/2021/TLST - HNGĐ ngày 27/7/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số; 31/2021/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị N** sinh năm 1993 có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ; Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Hữu T** sinh năm 1990 vắng mặt

Địa chỉ: TDP H 1, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án cũng như bản tự khai của chị Nguyễn Thị N nội dung vụ án như sau:

Chị N và anh Nguyễn Hữu T kết hôn với nhau ngày 18/12/2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là thị trấn N), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu ngay và ở chung với gia đình được thời gian. Tình cảm vợ chồng lúc đầu bình thường hạnh phúc được khoảng 2 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau anh T hay đánh đập chị nên tháng 10/2015 chị đã về mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay hai bên đã được gia đình, bạn bè đã hòa

giải khuyên can nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ chị đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N sinh ngày 23/7/2014, hiện đang ở với chị ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa lời khai anh trình bày ; Anh và chị N kết hôn với nhau ngày 18/12/2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là thị trấn N), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình được thời gian ngắn đến tháng 10 năm 2015 do cãi nhau nên chị N về nhà bố mẹ đẻ sau đó đi làm ăn và thuê nhà ở riêng, anh đã gọi nhưng chị không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị có đơn xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung; vợ chồng có một con chung Nguyễn Bảo N sinh ngày 23/7/2014, hiện đang ở với chị; ly hôn chị yêu cầu được nuôi con nếu chị N yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý.

Về Tài sản, công nợ, không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hữu T

Về con chung: Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N sinh ngày 23/7/2014 Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng; Chị N và anh T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị N có đơn xin ly hôn anh T như vậy được xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “ Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa anh T ở thị trấn N, huyện Việt Yên cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên là phù hợp với điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét chị N, anh T vắng mặt tại phiên họp tiếp cân công khai chứng cứ, hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa Tòa án đã tiến hành giao thông báo về phiên họp tiếp cân công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử và các quyết định hoãn phiên tòa cho anh T theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự chị N có đơn xin xét xử vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N là phù hợp với điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị N thấy rằng qua các chứng cứ do các bên xuất trình lời khai người làm chứng được biết vợ chồng chị N, anh T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã có thời gian sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng không duy trì và phát triển được nên đã xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế khó khăn chị cho rằng anh hay đánh đập chị không quan tâm đến vợ con, tính tình vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm từ tháng 10 năm 2015 cho đến nay không bên nào quan tâm đến bên nào. Gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị N cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu về nuôi con của hai bên thấy rằng vợ chồng chị N, anh T có một con chung hiện đang ở với chị, cháu vẫn phát triển bình thường hơn nữa Ngọc lại có nguyện vọng được ở với chị, anh cũng đồng ý để chị nuôi; Xét thấy để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của đứa trẻ cần giao Nguyễn Bảo N sinh ngày 23/7/2014 cho chị N trực tiếp nuôi và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu là phù hợp với điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình, nên yêu cầu về nuôi con của chị N được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng đất; Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 về án phí lệ phí Tòa án chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của các đương sự cũng như đề nghị áp dụng các điều luật, đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N

*Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Hữu T

* Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi Nguyễn Bảo N sinh ngày 23/7/2014, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu. Anh T có quyền được thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số; AA/2019/0000101 ngày 27/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị N đã nộp đủ án phí DSST.

Báo cho đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND thị trấn Nénh;
- Các đương sự;
- Lưu: vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Vinh